

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2005/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định tạm thời về việc xây dựng và quản lý các Dự án khoa học và công nghệ”

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên,

định này “Quy định tạm thời về việc xây dựng và quản lý các Dự án khoa học và công nghệ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế Kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết

Bùi Mạnh Hải

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI
VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CÁC
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2005/QĐ-BKHCN
ngày 25/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với việc xây dựng và quản lý các Dự án khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Dự án KHCN) được hỗ trợ kinh phí sự nghiệp khoa học nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm trọng điểm, chủ lực đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các sản phẩm trọng điểm, chủ lực khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Dự án KHCN là nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây viết tắt là các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN) có sự gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định, nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục

vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 2. Áp dụng quy định pháp luật

Trường hợp có những vấn đề liên quan đến xây dựng và quản lý Dự án KHCN không được quy định trong Quy định tạm thời này thì áp dụng quy định về xây dựng và quản lý các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước.

Điều 3. Các nguồn hình thành Dự án KHCN

Dự án KHCN được hình thành từ các nguồn sau:

1. Đề xuất của các Bộ, ngành để giải quyết những vấn đề cấp thiết về khoa học và công nghệ nhằm phục vụ kế hoạch phát triển sản xuất các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của các Bộ, ngành;

2. Đề xuất của các tỉnh, thành phố để giải quyết những vấn đề cấp thiết về khoa học và công nghệ nhằm góp phần tạo ra sản phẩm trọng điểm, chủ lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 4. Tiêu chí xác định Dự án KHCN

Dự án KHCN phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có xuất xứ từ các đề án, dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm trọng điểm, chủ lực đã được Bộ, ngành, tỉnh, thành phố (sau đây viết tắt là cơ quan chủ quản) phê duyệt.

2. Có hiệu quả kinh tế, có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực (tạo ra quy trình công nghệ tiên tiến, sản phẩm mới; tăng khả năng tự chủ thiết kế, chế tạo, sản xuất, tỷ lệ nội địa hóa; nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực...).

3. Có tính khả thi:

a) Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ trong nước;

b) Kết quả của Dự án KHCN phải được áp dụng vào sản xuất;

c) Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN phải phù hợp với kế hoạch triển khai dự án đầu tư sản xuất của tổ chức chủ trì Dự án KHCN (thời gian thực hiện không kéo dài quá 5 năm).

Điều 5. Tiêu chí xác định tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KHCN

Tổ chức chủ trì Dự án KHCN là doanh nghiệp có chức năng hoạt động phù hợp với việc quản lý điều hành hoặc sản xuất các sản phẩm trọng điểm, chủ lực và phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Được cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ và phê duyệt đề án, dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm được nêu ở Điều 4 tại Quy định này;

2. Có tư cách pháp nhân, có đủ tiềm lực (cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng triển khai kết quả vào sản xuất...), có đủ năng lực tổ chức liên kết với các tổ chức khác để thực hiện thành công Dự án KHCN;

3. Chịu trách nhiệm áp dụng kết quả Dự án KHCN vào sản xuất.

Điều 6. Tiêu chí xác định tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN

Tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân (Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Doanh nghiệp...), có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của Dự án KHCN và có đơn đăng ký thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN với tổ chức chủ trì Dự án KHCN (Phụ lục I: Biểu B1-ĐK-DAKHCN);

2. Được tổ chức chủ trì Dự án KHCN

chấp nhận và chịu sự điều hành, giám sát của tổ chức chủ trì Dự án trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN;

Chương II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 7. Xác định danh mục Dự án KHCN

1. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Bộ KH&CN) thông báo và nhận các đề xuất về Dự án KHCN của các cơ quan chủ quản phù hợp với tiến độ xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ theo mẫu phiếu đề xuất Dự án KHCN (Phụ lục II: Biểu B2-PDX-DAKHCN).

2. Căn cứ các tiêu chí xác định Dự án KHCN quy định tại Điều 4 của Quy định này, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN lập danh mục sơ bộ các Dự án KHCN dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch (Phụ lục III: Biểu B3-TH-DAKHCN).

3. Bộ KH&CN thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước tư vấn xác định danh mục các Dự án KHCN dự kiến thực hiện, trong đó làm rõ mục tiêu, nội dung, tiến độ của Dự án KHCN và dự kiến tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN (trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì Dự án KHCN);

Trường hợp một nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN có nhiều tổ chức có khả năng chủ trì được Hội đồng kiến nghị tuyển chọn tổ chức chủ trì thì Bộ KH&CN xem xét quyết định.

4. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ, Bộ KH&CN có văn bản đề nghị cơ quan chủ quản có ý kiến về danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

5. Bộ KH&CN phê duyệt danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN sau khi có văn bản hiệp y của cơ quan chủ quản, trong đó nêu rõ: mục tiêu của Dự án KHCN, danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và dự kiến sản phẩm của Dự án KHCN.

6. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục Dự án KHCN, tổ chức chủ trì Dự án KHCN và tổ chức dự kiến chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN tiến hành xây dựng thuyết minh tổng quát Dự án KHCN và thuyết minh các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN theo các biểu mẫu quy định (Phụ lục IV: Biểu B4-TMĐT đối với đề tài nghiên cứu khoa học, Phụ lục V: biểu B5-TMDA đối với dự án sản xuất thử và Phụ lục VI: biểu B6-TMTQ đối với thuyết minh tổng quát Dự án KHCN) gửi Bộ KH&CN và cơ quan chủ quản.

Điều 8. Thẩm định nội dung các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN

1. Cơ quan chủ quản thành lập Hội

đồng KHCN tư vấn xét duyệt nội dung thuyết minh đề cương các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tiến hành kiểm tra thực tế tiềm lực và các vấn đề có liên quan của tổ chức chủ trì và các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

Trường hợp nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN có quyết định tuyển chọn thì cơ quan chủ quản tiến hành tuyển chọn theo quy định.

2. Bộ KH&CN chủ trì phối hợp với cơ quan chủ quản tổ chức thẩm định các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN về nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện, trong đó có nội dung và kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học.

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN trên cơ sở kết quả thẩm định nội dung, kinh phí, tiến độ gửi cơ quan chủ quản Dự án KHCN xem xét phê duyệt.

4. Tổ chức chủ trì Dự án KHCN hoàn thiện thuyết minh tổng quát Dự án KHCN trên cơ sở kết quả thẩm định nội dung, kinh phí, tiến độ các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và gửi cơ quan chủ quản và Bộ KH&CN xem xét phê duyệt.

Điều 9. Phê duyệt Dự án KHCN và các tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KHCN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

Bộ KH&CN phê duyệt Dự án KHCN trên cơ sở Thuyết minh tổng quát Dự án KHCN đã được thẩm định, hoàn thiện và văn bản hiệp y của cơ quan chủ quản;

Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ KH&CN là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ triển khai thực hiện Dự án KHCN.

Chương III TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN KHCN

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì Dự án KHCN

1. Đề xuất các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

2. Xây dựng thuyết minh tổng quát Dự án KHCN

3. Tham gia phối hợp với Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản trong việc thẩm định nội dung, kinh phí, tiến độ các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

4. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ (là bên B) với cơ quan chủ quản thực hiện Dự án KHCN.

5. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ (là bên A) với các tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

6. Hỗ trợ các tổ chức chủ trì các nhiệm

vụ thuộc Dự án KHCN triển khai thực hiện các nội dung khoa học và công nghệ theo hợp đồng.

7. Tổ chức điều hành, hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN, đôn đốc các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN báo cáo và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án KHCN gửi cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN và Bộ Tài chính.

8. Tổng hợp và báo cáo cơ quan chủ quản về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí hàng năm của Dự án và tổng quyết toán của Dự án KHCN khi kết thúc.

9. Phát hiện và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và báo cáo cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN.

10. Triển khai áp dụng kết quả của các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN vào sản xuất phù hợp với tiến độ sản xuất của doanh nghiệp.

11. Tổ chức đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN theo Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ của cơ quan chủ quản.

12. Chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN về kết quả thực hiện Dự án KHCN.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN

1. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì Dự án KHCN.

2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện...), nhân lực, tài chính để tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN theo cam kết trong hợp đồng khoa học và công nghệ.

3. Chịu sự điều hành, giám sát về tiến độ, nội dung của tổ chức chủ trì Dự án và chủ nhiệm Dự án KHCN.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ và báo cáo quyết toán kinh phí nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN với tổ chức chủ trì Dự án KHCN.

5. Tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

Điều 12. Trách nhiệm của Cơ quan chủ quản

1. Quản lý quá trình xây dựng, thực hiện và kết quả của Dự án KHCN.

2. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét duyệt nội dung thuyết minh đề cương các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN (trường hợp có quyết định tuyển chọn).

3. Phối hợp với Bộ KH&CN thẩm định kinh phí, nội dung, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

4. Phê duyệt thuyết minh các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

5. Hiệp y về việc phê duyệt thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN.

6. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện Dự án KH&CN với tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trên cơ sở Quyết định phê duyệt Dự án KH&CN của Bộ KH&CN.

7. Cấp phát và quyết toán kinh phí theo kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.

8. Chủ trì kiểm tra, giám sát, đôn đốc tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng.

9. Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ KH&CN.

10. Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì Dự án KH&CN.

11. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án KH&CN theo hợp đồng đã ký kết với tổ chức chủ trì Dự án KH&CN.

12. Phối hợp với Bộ KH&CN trong việc tổng kết đánh giá Dự án KH&CN.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ KH&CN

1. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước tư vấn xác định danh mục các Dự án KH&CN và danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản tổ chức thẩm định các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN về nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện.

3. Quyết định phê duyệt Dự án KH&CN.

4. Phối hợp với cơ quan chủ quản kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì thực hiện Dự án KH&CN, các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo tiến độ định kỳ về kết quả thực hiện các nội dung của thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã được phê duyệt.

5. Phối hợp với cơ quan chủ quản xem xét điều chỉnh mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện Dự án KH&CN trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì Dự án KH&CN.

6. Thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra theo chức năng quản lý Nhà nước đối với Dự án KH&CN.

7. Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Dự án KH&CN.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 14. Ký kết hợp đồng thực hiện

1. Cơ quan chủ quản ký hợp đồng khoa học và công nghệ với tổ chức chủ trì Dự án KHCN thực hiện Dự án KHCN

2. Tổ chức chủ trì Dự án KHCN ký hợp đồng khoa học và công nghệ với các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

Điều 15. Quản lý tài chính Dự án KHCN

1. Kinh phí thực hiện Dự án KHCN bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và kinh phí hoạt động chung của Dự án KHCN, được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách sự nghiệp khoa học được cân đối trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm;

b) Kinh phí đóng góp của tổ chức chủ trì Dự án KHCN và các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN;

c) Kinh phí huy động từ các nguồn khác.

2. Nội dung chi ngân sách Nhà nước của các Dự án KHCN

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN: được áp dụng theo các nội dung, chế độ chi tiêu hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Chi hoạt động chung của Dự án KHCN:

- Chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Dự án KHCN;

- Chi xét duyệt, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN;

- Chi phụ cấp trách nhiệm của chủ nhiệm Dự án KHCN;

- Các chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động chung của Dự án KHCN.

3. Lập dự toán kinh phí Dự án KHCN: hàng năm, căn cứ vào kế hoạch hoạt động chung của Dự án KHCN, vào nội dung và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ quản lập dự toán chi ngân sách cho Dự án KHCN trong tổng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học và công nghệ của cơ quan chủ quản gửi Bộ KH&CN và Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Giao, phân bổ dự toán và cấp phát kinh phí:

a) Dự toán kinh phí Dự án KHCN được giao trong dự toán của cơ quan chủ quản của cơ quan chủ trì Dự án KHCN. Đối với Dự án KHCN do các doanh nghiệp trực thuộc các tỉnh, thành phố chủ trì thực hiện: dự toán kinh phí được giao về địa phương theo hình thức hỗ trợ có mục tiêu.

b) Phân bổ dự toán Dự án KHCN được thực hiện như sau:

- Cơ quan chủ quản phân bổ và giao dự toán chi ngân sách của Dự án thông qua một đơn vị dự toán trực thuộc (thường là qua Văn phòng của cơ quan chủ quản); đơn vị này thực hiện việc chuyển kinh phí cho doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN thông qua hợp đồng khoa học và công nghệ ký giữa cơ quan chủ quản và đơn vị dự toán trực thuộc với doanh nghiệp chủ trì và chủ nhiệm Dự án KHCN;

- Doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN thực hiện việc chuyển kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN theo hình thức hợp đồng khoa học và công nghệ ký giữa doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN với các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN.

c) Việc cấp phát kinh phí cho doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN để chi theo tiến độ và nội dung hoạt động chung của Dự án KHCN đã được phê duyệt; cấp phát cho các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN để chi theo tiến độ và nội dung công việc trên cơ sở hợp đồng đã ký với doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

5. Quyết toán kinh phí Dự án KHCN

a) Đối với các Dự án KHCN do các doanh nghiệp trực thuộc các Bộ ngành chủ trì thực hiện: Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN thực hiện quyết toán kinh phí với doanh nghiệp

chủ trì Dự án KHCN; doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và kinh phí hoạt động chung của Dự án KHCN với đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản được giao dự toán chi của Dự án KHCN; đơn vị này thực hiện quyết toán kinh phí với cơ quan chủ quản; cơ quan chủ quản quyết toán với Bộ Tài chính và đồng gửi Bộ KH&CN bản quyết toán tài chính.

b) Đối với các Dự án KHCN do các doanh nghiệp trực thuộc địa phương chủ trì thực hiện: Các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN thực hiện quyết toán kinh phí với doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN; doanh nghiệp chủ trì Dự án KHCN chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và kinh phí hoạt động chung của Dự án KHCN với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và đồng gửi Bộ KH&CN bản quyết toán tài chính.

6. Xử lý tài sản của Dự án KHCN sau khi kết thúc

Trong thời hạn 30 ngày sau khi Dự án KHCN được cơ quan thẩm quyền đánh giá, cơ quan sử dụng tài sản được mua sắm bằng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học phải báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản, cụ thể:

a) Đối với Dự án KHCN do doanh nghiệp trực thuộc Bộ ngành chủ trì thực hiện:

Cơ quan chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN đề xuất phương án xử lý gửi Bộ Tài chính xem xét quyết định;

b) Đối với Dự án KHCN do doanh nghiệp trực thuộc địa phương chủ trì thực hiện: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất phương án xử lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét quyết định.

Điều 16. Điều chỉnh, đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện, cơ quan chủ quản và các bên trong hợp đồng đều có thể đưa ra kiến nghị:

a) Điều chỉnh nội dung, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN cho phù hợp với thực tế sản xuất.

b) Đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN không còn thích hợp với mục tiêu của Dự án KHCN hoặc do gặp những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, địch họa, dịch bệnh;

- Chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN không bảo đảm đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí đối ứng và các điều kiện khác để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN như cam kết trong hợp đồng;

- Chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và tổ chức chủ trì các nhiệm vụ

thuộc Dự án KHCN không đủ năng lực quản lý tổ chức thực hiện nội dung các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN theo hợp đồng;

- Kinh phí của các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN bị sử dụng sai mục đích.

2. Tổ chức có các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động của các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN và báo cáo bằng văn bản về những công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng, trang bị máy móc đã mua cho tổ chức chủ trì Dự án KHCN. Trên cơ sở đề nghị của tổ chức chủ trì Dự án KHCN, cơ quan chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN xem xét giải quyết.

Điều 17. Đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

1. Báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN phải được hoàn thành trước khi tổ chức đánh giá nghiệm thu.

2. Tổ chức chủ trì Dự án KHCN tổ chức đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN sau khi có quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ của cơ quan chủ quản.

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN nộp báo cáo kết quả nghiên cứu cho Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia.

4. Cơ quan chủ quản tổ chức đánh giá

nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án KHCN.

5. Bộ KH&CN phối hợp với cơ quan chủ quản, chủ trì tổ chức đánh giá tổng kết Dự án KHCN.

6. Thanh lý hợp đồng:

a) Tổ chức chủ trì Dự án KHCN thực hiện thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ thuộc Dự án KHCN sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu.

b) Cơ quan chủ quản thực hiện thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì Dự án KHCN sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu Dự án KHCN.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

Các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố căn cứ Quy định này hướng dẫn đề xuất các Dự án KHCN phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm mục đích phát huy hiệu quả của khoa học công nghệ đối với sản xuất và đời sống./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Mạnh Hải

Phụ lục I

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

B1-DK-DA KHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

THAM GIA DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*(Kèm theo Quyết định số 11/2005/QĐ-BKHCN ngày 25/8/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Kính gửi: (Tổ chức chủ trì DA KHCN)

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:.....; Fax:.....
4. Họ và tên chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN:.....
Chức danh khoa học:
5. Tên đề tài, dự án SXTN đăng ký chủ trì:.....
Thuộc Dự án KHCN:.....
6. Kinh phí thực hiện đề tài, dự án SXTN:.....
Tổng số:
- Trong đó, từ ngân sách SNKH:
- Nguồn vốn khác:
7. Thời gian thực hiện:..... tháng (từ...../200.... đến tháng...../200....)
8. Phần cam đoan: Nếu được tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Dự án KHCN, chúng tôi xin đảm bảo thực hiện đúng Quy chế về xây dựng và quản lý các Dự án KHCN.

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Đóng dấu và ký tên người đứng đầu tổ chức đăng ký)

01687781

Phụ lục II
PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

B2-PĐX-DA KHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 200....
(Kèm theo Quyết định số 11/2005/QĐ-BKHCN ngày 25/8/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

- 1. Tên Dự án KHCN:**

- 2. Xuất xứ hình thành** (nêu rõ nguồn hình thành của Dự án KHCN các quyết định phê duyệt liên quan....)

- 3. Giải trình về tính cấp thiết** (tại sao phải nghiên cứu giải quyết ở cấp Nhà nước: quan trọng, cấp bách - tác động to lớn, ảnh hưởng lâu dài đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước?...)

- 4. Mục tiêu của Dự án KHCN**

- 5. Nội dung KHCN chủ yếu của Dự án KHCN** (nêu rõ các đề tài, dự án SXTN giải quyết nội dung KHCN gì?)

- 6. Nhu cầu kinh phí để thực hiện Dự án KHCN**

7. Dự kiến sản phẩm của Dự án:

8. Địa chỉ áp dụng (nêu rõ địa chỉ ứng dụng kết quả: dự án đầu tư nào?)

9. Hiệu quả kinh tế - xã hội của Dự án KHCN: (cần làm rõ đóng góp của Dự án KHCN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác....)

Xác nhận của Bộ, ngành liên quan
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tổ chức đề xuất Dự án KHCN

(Họ, tên và chữ ký -

đóng dấu của người đứng đầu tổ chức)

Phụ lục III

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

B3-TH-DA KHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 200...

(Kèm theo Quyết định số 11/2005/QĐ-BKHCN ngày 25/8/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Số thứ tự	Tên dự án KHCN	Tổ chức đề xuất	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Dự kiến sản phẩm và chỉ tiêu KT-KT chủ yếu	Kinh phí (triệu đồng)		Ghi chú
						Tổng số	SNKH	
1								
2								
3								

Phụ lục IV

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

B4-TMĐT

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**
(Kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Thông tin chung về đề tài

1. Tên đề tài	2. Mã số
3. Thời gian thực hiện (Từ tháng...../200.... đến tháng..../200.....)	4. Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>
5. Kinh phí Tổng số: Trong đó, từ Ngân sách SNKH:	
6. Thuộc Chương trình (nếu có)	
7. Chủ nhiệm đề tài Họ và tên: Học hàm/học vị: Chức danh khoa học: Điện thoại: (CQ)/ (NR) Fax: Mobile: E-mail: Địa chỉ cơ quan: Địa chỉ nhà riêng:	
8. Cơ quan chủ trì đề tài Tên tổ chức KH&CN	

***Ghi chú:**

Trong trường hợp tổ chức và cá nhân thấy cần trình bày cho rõ hơn một số mục nào đó của bản Thuyết minh này, có thể trình bày dài hơn, nhưng tổng số trang của Thuyết minh không quá 25 trang (không kể phần phụ lục về giải trình kinh phí đề tài).

Điện thoại:	Fax:
E-mail:	
Địa chỉ:	

II. Nội dung KH&CN của đề tài

9	Mục tiêu của đề tài

10	Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước
<ul style="list-style-type: none"> • Tình trạng đề tài <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp đề tài đã kết thúc giai đoạn trước • <i>Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài (thể hiện sự hiểu biết cần thiết của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài về lĩnh vực nghiên cứu - nắm được những công trình nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, nêu rõ quan điểm của tác giả về tính bức xúc của đề tài,...)</i> 	
Ngoài nước:	

Trong nước:

- Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan

11	Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (luận cứ rõ cách tiếp cận - thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng - so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác, nêu được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)
12	Nội dung nghiên cứu (liệt kê và mô tả những nội dung cần nghiên cứu, nêu bật được những nội dung mới và phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra, kể cả những dự kiến hoạt động phối hợp để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng)

Nội dung nghiên cứu (tiếp)		
13 Hợp tác quốc tế		
	Tên đối tác	Nội dung hợp tác
Đã hợp tác		
Dự kiến hợp tác		

09687781

18 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

(Nêu tính ổn định của các thông số công nghệ, ghi địa chỉ khách hàng và mô tả cách thức chuyển giao kết quả,....)

19 Các tác động của kết quả nghiên cứu (ngoài tác động đã nêu tại mục 18 trên đây)

• *Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ KH&CN*

• *Đối với lĩnh vực khoa học có liên quan:*

• *Đối với kinh tế - xã hội:*

IV. Các tổ chức/cá nhân tham gia thực hiện đề tài

20	Hoạt động của các tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài (Ghi tất cả các tổ chức phối hợp thực hiện đề tài và phần nội dung công việc tham gia trong đề tài)			
Số thứ tự	Tên tổ chức	Địa chỉ	Nội dung hoạt động/đóng góp cho đề tài	Dự kiến kinh phí
1				
2				
3				
4				
5				
21	Liên kết với sản xuất và đời sống (Ghi rõ đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu tham gia vào quá trình thực hiện và nêu rõ nội dung công việc thực hiện trong đề tài)			

09687781

22	Đội ngũ cán bộ thực hiện đề tài (Ghi những người có đóng góp chính thuộc tất cả các tổ chức chủ trì và tham gia đề tài, không quá 10 người)		
Số thứ tự	Họ và tên	Cơ quan công tác	Số tháng làm việc cho đề tài
A	Chủ nhiệm đề tài		
B	Cán bộ tham gia nghiên cứu		
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			

09687781

V. Kinh phí thực hiện đề tài và nguồn kinh phí (giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

23 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi							
Số thứ tự	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH						
2	Các nguồn vốn khác						
	- Tự có						
	- Khác (vốn huy động,...)						

....., ngày..... tháng..... năm 200....

Thủ trưởng
Cơ quan chủ trì đề tài
 (Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
 (Họ, tên và chữ ký)

09687781

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	NSNN	Tự có	Khác
1.	Thuê khoán chuyên môn					
2.	Nguyên, vật liệu, năng lượng					
3.	Thiết bị, máy móc chuyên dùng					
4.	Xây dựng, sửa chữa nhỏ					
5.	Chi khác					
Tổng cộng						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI
(Triệu đồng)

Khoản 1. Thuê khoán chuyên môn

Số thứ tự	Nội dung thuê khoán	Tổng kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
Cộng					

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
2.1	<i>Nguyên, vật liệu</i>							
2.2	<i>Dụng cụ, phụ tùng</i>							
2.3	<i>Năng lượng, nhiên liệu</i>							
	- Than							
	- Điện	kW/h						
	- Xăng, dầu							
	- Nhiên liệu khác							
2.4	<i>Nước</i>	m^3						
2.5	<i>Mua sách, tài liệu, số liệu</i>							
Cộng								

09687781

Khoản 3. Thiết bị, máy móc chuyên dùng

Số thứ tự	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						NSNN	Tự có	Khác
3.1	Mua thiết bị công nghệ							
3.2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường							
3.3	Khấu hao thiết bị							
3.4	Thuê thiết bị							
3.5	Vận chuyển lắp đặt							
Cộng								

03687781

Số thứ tự	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn		
			NSNN	Tự có	Khác
5.3	Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu				
	- Chi phí kiểm tra, nghiệm thu trung gian				
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ				
	- Chi phí nghiệm thu chính thức				
5.4	Chi khác				
	- Hội thảo				
	- Hội nghị				
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm				
	- Dịch tài liệu				
				
5.5	Phụ cấp Chủ nhiệm đề tài				
	Cộng				

09687731

Phụ lục V
THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

B5-TMDA

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM
(Kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên Dự án:

2. Thuộc chương trình KHCN cấp Nhà nước (nếu là dự án thuộc chương trình):

.....

3. Mã số:

4. Cấp quản lý:

5. Thời gian thực hiện:..... tháng, từ tháng...../200..... đến tháng..../200.....

6. Kinh phí thực hiện dự kiến:..... triệu đồng

Trong đó, từ Ngân sách sự nghiệp khoa học:..... triệu đồng

7. Thu hồi:

Kinh phí đề nghị thu hồi:..... triệu đồng (.....% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)

Thời gian đề nghị thu hồi (sau thời gian thực hiện): **Đợt 1:..... tháng**

Đợt 2:..... tháng

8. Tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện Dự án (tên):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

9. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án (họ, tên):

Học vị:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

E-mail:

CQ:

NR:

Mobile:

10. Cơ quan phối hợp chính:

11. Danh sách cá nhân tham gia dự án (họ, tên, học vị, chuyên môn của các cá nhân tham gia chính)

12. Xuất xứ: Ghi rõ xuất xứ từ một trong các nguồn sau

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được hội đồng KH-CN các cấp đánh giá, kiến nghị áp dụng (*tên đề tài, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu, biên bản đánh giá nghiệm thu*)
- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH-CN (*tên văn bằng - chứng chỉ, ngày cấp*)
- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*tên văn bằng - chứng chỉ, ngày cấp*).

13. Tổng quan: (*Nêu những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong nước, trong khu vực và quốc tế: thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về các công nghệ, các kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực của dự án, về những luận cứ xuất xứ của dự án mà dựa vào đó tác giả xây dựng dự án,...*)

- 13.1. Tình hình nghiên cứu và triển khai ở nước ngoài
- 13.2. Tình hình nghiên cứu và triển khai trong nước
- 13.3. Luận cứ về xuất xứ và tính cấp thiết của dự án.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14. Mục tiêu:

Nêu mục tiêu trước mắt, mục tiêu lâu dài (nếu có)

Đối với các dự án SXTN tuyển chọn cần bám sát mục tiêu nêu trong thông báo tuyển chọn. Đưa ra các tiêu chí và các chỉ tiêu tương ứng của mục tiêu nhằm cụ thể hóa và làm rõ mục tiêu đặt ra của dự án.

15. Nội dung (*nêu những nội dung và các bước công việc cụ thể, những vấn đề trọng tâm mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu*):

- Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ;
- Luận cứ rõ những vấn đề trọng tâm mà dự án cần giải quyết (như các bước công nghệ, các thông số về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, quy mô triển khai dự án, chủng loại sản phẩm,... cần hoàn thiện và ổn định, khối lượng sản phẩm cần sản xuất để ổn định công nghệ).
- Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án.

16. Phương án triển khai:

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm: mô tả, phân tích các điều kiện về:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa danh cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về mặt

chọn địa điểm triển khai dự án); Nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng,...;

- Môi trường (nêu sơ bộ về tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

- Vật tư, thiết bị chủ yếu đảm bảo cho dự án thực hiện (sẵn có trong nước, phải nhập ngoại,...);

- Nhân lực triển khai dự án: số cán bộ KHCCN đúng chuyên môn, số lượng kỹ thuật viên và công nhân lành nghề, nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

16.2. Phương án tài chính (phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

- Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động;

- Việc huy động và phân bổ các nguồn vốn tham gia dự án, nêu rõ cơ sở pháp lý của việc huy động các nguồn vốn và phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

- Giá thành sản phẩm theo từng chủng loại sản phẩm, thời gian thu hồi vốn

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7.

16.3. Phương án tiêu thụ sản phẩm, quảng bá công nghệ để thị trường hóa kết quả dự án, giải trình và làm rõ thêm cho các bảng tính toán và phụ lục kèm theo (bảng 3-5, phụ lục 9);

- Giá sản phẩm dự kiến (so sánh với giá nhập, giá thị trường trong nước hiện tại và giá dự kiến cho những năm tới);

- Thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án, các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Khả năng tham gia của các cơ quan tiếp nhận sản phẩm vào quá trình thực hiện Dự án (về tài chính, nhân lực, vật lực, khả năng phối hợp thực hiện).

17. Sản phẩm của dự án:

Nêu sản phẩm cụ thể của dự án (dây chuyền thiết bị công nghệ, quy trình công nghệ, máy mẫu, sản phẩm hàng hóa... với khối lượng và các thông số về chỉ tiêu chất lượng và kỹ thuật tương ứng.

18. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án:

Phân tích tính khả thi của phương án chuyển giao công nghệ hoặc mở rộng sản xuất (nêu địa chỉ dự kiến tiếp nhận chuyển giao công nghệ của dự án hoặc mở rộng quy mô sản xuất, các văn bản thỏa thuận tiếp nhận hoặc chuyển giao công nghệ...).

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN

Bảng 1 - Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án

Số thứ tự	Nguồn vốn	Tổng cộng (triệu đồng)	Trong đó							
			Vốn cố định			Vốn lưu động*				
			Thiết bị, máy móc mua mới	Hoàn thiện công nghệ	Nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo)	Lương thuê khoán	Nguyên vật liệu, năng lượng	Khấu hao thiết bị, nhà xưởng đã có; thuê thiết bị	Khác (công tác phí, quản lý phí, kiểm tra, nghiệm thu...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Ngân sách SNKH									
2	Vốn vay tín dụng									
3	Vốn tự có của cơ sở									
4	Nguồn vốn khác									
Cộng										

***Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất tiếp theo.

Bảng 2 - Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(trong thời gian thực hiện dự án)

Số thứ tự	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng chi phí sản xuất					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội + Thuê khoán chuyên môn					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị,					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7

B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định				
7	Khấu hao thiết bị - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới - Thuê thiết bị (nếu có)				Phụ lục 3
8	Khấu hao nhà xưởng - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới				Phụ lục 5
9	Phân bổ chi phí hoàn thiện công nghệ và đào tạo				Phụ lục 4
10	Tiếp thị, quảng cáo, khác				Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất (A + B):					
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:					

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hoàn thiện công nghệ:* được phân bổ theo thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử (02 năm) và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tổng cộng khoảng 03 năm).

Bảng 3 - Tổng doanh thu (cho thời gian thực hiện dự án)

Số thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
...					
Cộng					

Bảng 4 - Tổng doanh thu (cho 1 năm đạt 100% công suất)

Số thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
...					
Cộng					

Bảng 5 - Tính toán hiệu quả kinh tế (cho 1 năm đạt 100% công suất)

Số thứ tự	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hoàn thiện công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm)	

Chú thích: Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá thành của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hoàn thiện công nghệ và đào tạo

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \dots = \dots \text{ năm}$$

19. Hiệu quả kinh tế - xã hội: (tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ngày.... tháng.... năm 200...

Chủ nhiệm dự án

(Ký tên)

Ngày.... tháng.... năm 200...

Cơ quan chủ trì dự án

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày.... tháng.... năm 200...

Cơ quan chủ quản dự án

(Ký tên, đóng dấu)

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Số thứ tự	Tên nguyên vật liệu chủ yếu + nguyên vật liệu phụ	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Nguồn tài chính				
						Từ ngân sách SNKH		Từ các nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền (1.000đ)	Số lượng	Thành tiền (1.000đ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
A	Nguyên vật liệu chủ yếu									
1										
2										
3										
...										
B	Nguyên vật liệu phụ									
1										
2										
3										
...										
Cộng										

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Số thứ tự	Nhu cầu	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Nguồn tài chính				
						Từ ngân sách SNKH		Từ các nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền (1.000đ)	Số lượng	Thành tiền (1.000đ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Về điện: - Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móckW	kwh								
2	Về nước:	m ³								
3	Về xăng dầu: - Cho thiết bị sản xuất..... tấn - Cho phương tiện vận tải..... tấn	T T								
4	Khác									
Cộng										

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Số thứ tự	Tên thiết bị	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2..					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2..					
Cộng					-----

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung

Số thứ tự	Tên thiết bị	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)	Nguồn tài chính				
						Từ ngân sách SNKH		Từ các nguồn khác		
						Số lượng	Thành tiền (1000 đ)	Số lượng	Thành tiền (1000 đ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Thiết bị công nghệ									
1										
2..										
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường									
1										
2..										
III	Vận chuyển, lắp đặt thiết bị mới									
4	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê và giá thuê và chỉ ghi và cộng vào cột 5 để tính vốn lưu động)			-----						
Cộng					----		---		----	

CHI PHÍ CHO VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG NGHỆ VÀ ĐÀO TẠO

Số thứ tự	Các hạng mục (theo các nội dung công nghệ cần hoàn thiện của dự án)	Chi phí (1.000đ)	Nguồn tài chính	
			Ngân sách SNKH (1.000đ)	Từ các nguồn khác (1.000đ)
A	Các hạng mục công nghệ (Chuyên gia, tư vấn, know-how, patent...)			
1	-			
2	-			
3	-			
B	Đào tạo			
1	- Cán bộ công nghệ			
2	- Công nhân vận hành			
3	-			
Cộng				

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại):

Số thứ tự	Các hạng mục công trình	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)
1	2	3	4	5	6
Cộng A					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Số thứ tự	Các hạng mục công trình	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)
1	2	3	4	5	6
1	Xây dựng nhà xưởng mới				
2	Sửa chữa, cải tạo				
3	Lắp đặt hệ thống điện				
4	Lắp đặt hệ thống nước				
5	Chi khác				
Cộng B					

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Số thứ tự	Các hạng mục	Số người	Số tháng	Chi phí 1000 đ/ người/th	Thành tiền (1.000đ)	Nguồn tài chính	
						Từ ngân sách SNKH (1.000đ)	Từ các nguồn khác (1.000đ)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội						
1	Chủ nhiệm dự án						
2	Kỹ sư						
3	Nhân viên kỹ thuật						
4	Công nhân						
	Cộng						

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Số thứ tự	Nội dung	Thành tiền (1.000đ)	Nguồn tài chính		Ghi chú
			Từ ngân sách SNKH (1.000đ)	Từ các nguồn khác (1.000đ)	
1	2	3	4	5	6
1	Công tác phí:				
2	Quản lý phí (.....%): - Quản lý hành chính thực hiện dự án - Đào tạo, tiếp thị, quảng cáo				
3	Sửa chữa, bảo trì thiết bị				
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu - Cấp cơ sở (bên B) - Cấp Nhà nước, cấp Bộ/tỉnh (bên A)				
5	Chi khác				
Cộng					

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Số thứ tự	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
1	2	3																								
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng
2	Hoàn thiện công nghệ
3	Chế tạo, mua thiết bị
4	Lắp đặt thiết bị
5	Đào tạo công nhân
6	Sản xuất thử đợt
7	Thử nghiệm mẫu
8	Hiệu chỉnh công nghệ
9	Đánh giá nghiệm thu

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

Số thứ tự	Tên sản phẩm (quy trình công nghệ, tài liệu hướng dẫn, tiêu chuẩn, thiết bị, đào tạo...)	Đơn vị đo	Số lượng			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
...						

II. Phương án sản phẩm

Số thứ tự	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200..	200..	200..		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
...							

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

Số thứ tự	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
...						

6 Tổ chức chủ trì Dự án KHCN

Tên tổ chức:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Địa chỉ:

7 Các tổ chức phối hợpSố
thứ
tự

Tên tổ chức

Địa chỉ

Bộ chủ quản

1

8 *Xuất xứ Dự án KHCN*

8.1. Nguồn hình thành (*Nêu rõ hình thành từ nguồn nào, phục vụ phát triển lĩnh vực nào...*)

8.2. Các văn bản liên quan đến Dự án KHCN (*nêu các quyết định liên quan đến Dự án KHCN, Dự án đầu tư sản xuất...*)

9 **Tổng quan tình hình nghiên cứu triển khai và sản xuất sản phẩm trong và ngoài nước** (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu triển khai trong và ngoài nước: thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực nghiên cứu, nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của Dự án KHCN...)

9.1. Ngoài nước:

9.2. Trong nước:

09687781

II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu của Dự án KHCN

10 **Mục tiêu của Dự án KHCN**

10.1. Mục tiêu kinh tế - xã hội (nêu rõ việc thực hiện Dự án KHCN giải quyết những mục tiêu bức xúc gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội,...)

10.2. Mục tiêu về khoa học và công nghệ (nêu rõ việc nắm bắt, làm chủ và nâng cao những công nghệ gì? thuộc lĩnh vực nào, ở trình độ ra sao so với trong khu vực và quốc tế...)

11	Nội dung nghiên cứu (liệt kê những nội dung trọng tâm trong toàn bộ thời gian để thực hiện mục tiêu của Dự án KHCV, nêu bật được những nội dung mới và phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra...)			
12	Tiến độ thực hiện			
Số thứ tự	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (BĐ - KT)	Ghi chú (Ghi rõ nội dung thuộc đề tài dự án SXTN nào)
1	2	3	4	5

II. Sản phẩm của Dự án KHCV

13	Dạng kết quả dự kiến của Dự án KHCV		
	I	II	III
◆ Dây chuyền công nghệ	◆ Quy trình công nghệ	◆ Chương trình máy tính	
◆ Sản phẩm	◆ Phương pháp	◆ Đề án quy hoạch triển khai	
◆ Thiết bị, máy móc	◆ Quy phạm	◆ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, nghiên cứu khả thi	
◆ Vật liệu	◆ Tiêu chuẩn	◆ Khác	
◆ Giống cây trồng			
◆ Giống gia súc			

14	<i>Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả II, III)</i>					
Số thứ tự	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học				Chú thích
1	2	3				4
15	<i>Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả I)</i>					
Số thứ tự	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						
16	<i>Địa điểm và thời gian ứng dụng (Ghi rõ tên sản phẩm cụ thể, địa chỉ, tên Dự án đầu tư và thời gian ứng dụng các sản phẩm của Dự án KHCN)</i>					
Số thứ tự	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Thời gian		Ghi chú	
17	<i>Hiệu quả của Dự án KHCN</i>					
<ul style="list-style-type: none"> • Hiệu quả về khoa học và công nghệ (tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...) 						

- **Hiệu quả về kinh tế** (*phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do Dự án KHCN mang lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, thuê chuyên gia... so với hiện tại*)
- **Hiệu quả về xã hội** (*ảnh hưởng tác động do thực hiện dự án KHCN mang lại như tạo công ăn việc làm, tăng sức cạnh tranh các sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động...*)

IV. Danh mục các đề tài, dự án SXTN trong Dự án KHCN

(Liệt kê đầy đủ nội dung theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thuyết minh này)

V. Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án SXTN

(Liệt kê kinh phí thực hiện từ các nguồn để thực hiện Dự án KHCN theo Phụ lục 2 kèm theo Thuyết minh này).

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì Dự án KHCN
 (Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Chủ nhiệm Dự án KHCN
 (Họ, tên và chữ ký)

Cơ quan chủ quản
 (Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHCN
THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số thứ tự	Danh mục các nhiệm vụ KHCN	Tổ chức, cá nhân chủ trì	Mục tiêu chủ yếu	Nội dung chủ yếu	Sản phẩm và các chỉ tiêu KT-KT chủ yếu	Thời gian thực hiện		Hiệu quả	Ghi chú
						Bắt đầu	Kết thúc		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Các Đề tài								
II	Các Dự án SXTN								

**DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHCN
THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số thứ tự	Danh mục các nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Phân bổ kinh phí cho các năm từ SNKH (triệu đồng)					Tỷ lệ thu hồi (đối với Dự án SXTN)	Ghi chú
			Tổng kinh phí	Kinh phí SNKH	Nguồn khác	Năm 200...	Năm 200...	Năm 200...	Năm 200...	Năm 200...		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Các Đề tài											
1												
2												
3												
II	Các Dự án SXTN											
1												
2												
3												
	Tổng cộng											